

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HSPT
Ngày 21/11/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh; Ông Lưu Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông
Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 97/2023/TLPT-HS ngày 23/10/2023 đối với bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B, Trương Thanh B, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Hữu B; tên gọi khác: không; sinh ngày 10/8/1972 tại huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Ph, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở trước khi bị bắt: thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph (đã chết); vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bản án số 03/HS-ST ngày 27/02/1990 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù về hai tội danh trên. Ngày 02/9/1993, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tư B; tên gọi khác: không; sinh ngày 20/6/1970 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: Bản Cẩm L, xã Ngân Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

chỗ ở trước khi bị bắt: thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: không đi học; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tư Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1929; vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Thanh B; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/7/1989 tại C, Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Anh Th (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1961; vợ là Đoàn Thị O, sinh năm 1987; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tư B, Trương Thanh B:* Ông Lê Văn Hoan, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Lê Văn, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/9/2022 Nguyễn Hữu B được một người phụ nữ có tên thường gọi là bà Mười (không xác định nhân thân), gọi điện thoại cho B để thuê vận chuyển 12 bao tải đựng thuốc lá lậu từ đường biên giới giáp với Campuchia về tập kết tại thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai với tiền công 200.000đồng/một bao, thì B đồng ý. B rủ thêm Nguyễn Tư B và Trương Thanh B đi vận chuyển cùng, cả hai đồng ý. Đến khoảng 18 giờ, ngày 02/10/2022 lợi dụng trời tối, B cùng với Nguyễn Tư B và Trương Thanh B đi bộ theo đường mòn gần trạm Barie số 2 của Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và nhà kho của ông Nguyễn Trọng Đ tại thôn Cửa Khẩu, Ia Dom, Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (thuộc địa phận nước Việt Nam). Tại đường biên giới, B cùng Tư B và Thanh B gặp một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân) chỉ dẫn cho B số bao thuốc lá được giấu ở bụi cây, B đếm có bao tải màu xanh bên trong đều đựng thuốc lá diếu. B cùng Tư B và Thanh B vác mỗi người 02 bao theo đường cũ về đến phía sau nhà kho của ông Đ để tập kết. Lúc này, B nhìn thấy có chiếc xe xúc lật ở sau kho nên B bỏ 02 bao tải do mình gửi vào trong phần gàu của xe xúc lật. Thấy vậy, Tư B và Thanh B cũng bỏ 02 bao tải do mình vận chuyển vào gàu xe xúc lật. Sau đó, cả 03 tiếp tục quay lại vị trí bụi cây để vác mỗi người 02 bao thuốc

lá mang về tiếp tục cất giấu tại gầm xúc lật xe tải. Sau khi cất giấu tất cả 12 bao tải này thì cả ba đi về. B đi sau cùng và gặp Nguyễn Duy C đang ở tại nhà kho, B nói với C “cho anh gửi mấy thùng thuốc lá, xong xuôi anh cho mấy trăm nghìn uống nước” thì C đồng ý. C đi ra khu vực phía sau kho thì thấy số bao tải đựng thuốc lá trong gầm xe xúc lật, vì không muốn bị ông D và người khác thấy nên C đã gom một số bao tải cũ và rác của kho bỏ che phía trên các bao tải.

Đến trưa ngày 04/10/2022, do sợ bị ông D phát hiện nên C gọi điện thoại cho B nói “chú D nay dọn kho, coi chuyển thuốc lá đi chỗ nào, không chú D thấy”, nghe vậy B nói với C điều khiển xe xúc lật đưa toàn bộ số thuốc lá này đến bãi cỏ khu vực phía sau Bến xe Cửa Khẩu thuộc thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để cất giấu, đồng thời B thông báo cho Tư B và Thanh B biết sự việc. Sau khi C điều khiển xe xúc lật đưa 12 bao tải đựng thuốc lá đến đổ ở bãi cỏ phía sau Bến xe thì B cùng Tư B và Thanh B đến đưa 12 bao tải này giấu vào sâu bên trong bụi cỏ và đi về. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Đức Cơ phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tuần tra, kiểm soát, phát hiện tại bãi cỏ khu vực phía sau Bến xe Cửa khẩu, thuộc thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có 12 bao tải màu xanh bên trong chứa đựng có tổng số lượng 6.000 bao thuốc lá điều nhập lậu trong đó có 5.000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET và 1.000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE Menthol.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút, cùng ngày Nguyễn Hữu B và Nguyễn Duy C đã đến Trạm kiểm soát Bộ đội Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên. Nguyễn Tư B và Trương Thanh B đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 13/5 và ngày 16/5/2023 Trương Thanh B và Nguyễn Tư B đến Công an huyện Đức Cơ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận giám định số 1433/KL-KTHS ngày 10/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng, kết luận: 5.000 bao thuốc lá điều thành phẩm mang nhãn hiệu JET và 1.000 bao thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu ESSE Menthol, không phải là thuốc lá điều được sản xuất tại Việt Nam.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B và Trương Thanh B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”; bị cáo Nguyễn Duy C phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 38, 50, 58; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 04/10/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/5/2023.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 13/5/2023.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 38, 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 04/10/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

3. Kháng cáo của các bị cáo: các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B, Trương Thanh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B, Trương Thanh B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho rằng mỗi bị cáo chỉ chịu trách nhiệm với số thuốc vận chuyển là 2.000 bao, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo chịu chung số thuốc và mức án đã tuyên là nặng. Không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tư B, Trương Thanh B: Luật sư Lê Văn Hoan cho rằng các bị cáo Tư B, Thanh B vận chuyển thuốc lá độc lập, nên chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số thuốc từng bị cáo vận chuyển là 2000 bao. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt từ khoản 3 Điều 191 sang khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; đầu thú được quy định tại điểm i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra Luật sư còn đề nghị xem xét vấn đề thu giữ, mô tả vật chứng.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hữu B được bà Mười, là đối tượng không rõ nhân thân lai lịch thuê vận chuyển 12 bao tải thuốc lá từ khu vực biên giới về tập kết tại thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bị cáo Nguyễn Hữu B đã rủ các bị cáo Nguyễn Tư B và Trương Thanh B cùng vận chuyển. Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 04/10/2022 lực lượng Công an huyện Đức Cơ phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Lê

Thanh tuần tra, kiểm soát, phát hiện tại bãi cỏ khu vực phía sau Bến xe Cửa khẩu, thuộc thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có 12 bao tải màu xanh bên trong chứa đựng có tổng số lượng 6.000 bao thuốc lá điều nhập lậu trong đó có 5.000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET và 1.000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE Menthol.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút, cùng ngày Nguyễn Hữu B và Nguyễn Duy C đã đến Trạm kiểm soát Bộ đội Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên. Nguyễn Tư B và Trương Thanh B đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 13/5 và ngày 16/5/2023 Trương Thanh B và Nguyễn Tư B đến Công an huyện Đức Cơ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Kết luận giám định số 1433/KL-KTHS ngày 10/10/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng, kết luận: 5.000 bao thuốc lá điều thành phẩm mang nhãn hiệu JET và 1.000 bao thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu ESSE Menthol, không phải là thuốc lá điều được sản xuất tại Việt Nam.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B và Trương Thanh B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Cùng vụ án có Nguyễn Duy C bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về kháng cáo: Xét khi được bị cáo B rủ đi vận chuyển thuốc lá, các bị cáo đều đồng ý, khoảng 18 giờ ngày 02/10/2022 cả ba bị cáo vận chuyển toàn bộ 12 bao tải thuốc lá để vào gàu xe xúc lật, đến trưa ngày 04/10/2022 gọi điện báo cho B biết việc sợ ông Đ phát hiện thì B nhờ C điều khiển xe xúc lật đưa toàn bộ thuốc lá đến khu vực phía sau Bến xe Cửa khẩu rồi báo cho Tư B và Thanh B biết, cả ba bị cáo cùng đến khu vực phía sau Bến xe Cửa khẩu, lúc này số thuốc lá đã được C mang đến đổ ở bãi cỏ nên cả ba bị cáo cùng mang 12 bao tải thuốc lá trên giấu vào sâu bên trong bụi cỏ và đi về.

Như vậy, các bị cáo cùng chung ý chí và thực hành vận chuyển toàn bộ 12 bao tải thuốc lá nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng hành vi phạm tội của mình, việc các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Tư B, Thanh B trình bày lý do mỗi bị cáo chỉ chịu trách nhiệm với số thuốc vận chuyển là 2.000 bao để xin chuyển sang khung hình phạt thấp hơn, xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân, phân hóa vai trò, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo. Nay Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá các bị cáo chưa nhận thức được hành vi phạm tội, chưa tỏ rõ được bản thân biết ăn năn hối cải, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới nên C giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Người bào chữa cho các bị cáo Tư B và Thanh B còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề thu giữ, mô tả vật chứng. Tuy nhiên, các bị cáo đều nhận tổng

số thuốc đã vận chuyển là 12 bao tải, xác nhận số thuốc theo kết luận giám định là đúng, các biên bản được lập có tại hồ sơ đều đúng trình tự, thủ tục, không ai có ý kiến khiếu nại gì cũng không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó, đề nghị của Người bào chữa không có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo B, Tư B, Thanh B.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B, Trương Thanh B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B và Trương Thanh B phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 38, 50, 58; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B **07** (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư B **06** (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2023.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh B **06** (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/5/2023.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Tư B, Trương Thanh B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát ND huyện Đức Cơ;
- Toà án ND huyện Đức Cơ;
- Chi cục THA huyện Đức Cơ;
- Công an huyện Đức Cơ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu HSVA, Văn thư, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Hồng